



LILAMA EMC
MÃ CHỨNG KHOÁN: L35

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
(NĂM 2021)

Ninh Bình, tháng 03 năm 2022

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224390, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2006, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/10/2007, thay đổi lần 2 ngày 07/09/2011, thay đổi lần 3 ngày 26/03/2021, thay đổi lần 4 ngày 31/08/2021.
- Vốn điều lệ: 32.651.550.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.651.550.000 đồng
- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 02293.871.125
- Số fax: 02293.873.074
- Website: www.lilamaemc.com.vn
- Mã cổ phiếu: L35
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cơ khí lắp máy, thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Đội công trường Lắp máy trực thuộc Liên hiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, được thành lập năm 1978. Từ năm 1983 đổi thành “Xí nghiệp Cơ khí lắp máy” trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, theo Quyết định số 012A/BXD-TCLĐ ngày 27/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ năm 1996, là “Công ty Cơ khí lắp máy” thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tháng 7/2007 Công ty trở thành công ty đại chúng.
- Tháng 3/2010 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch 3.265.155 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là L35.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng).

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra môi hàn

(siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.

+ Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.

- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- + Đại lý.
- + Lắp đặt hệ thống điện.
- + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện).
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất.
- + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
- + Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp).
- + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp).
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

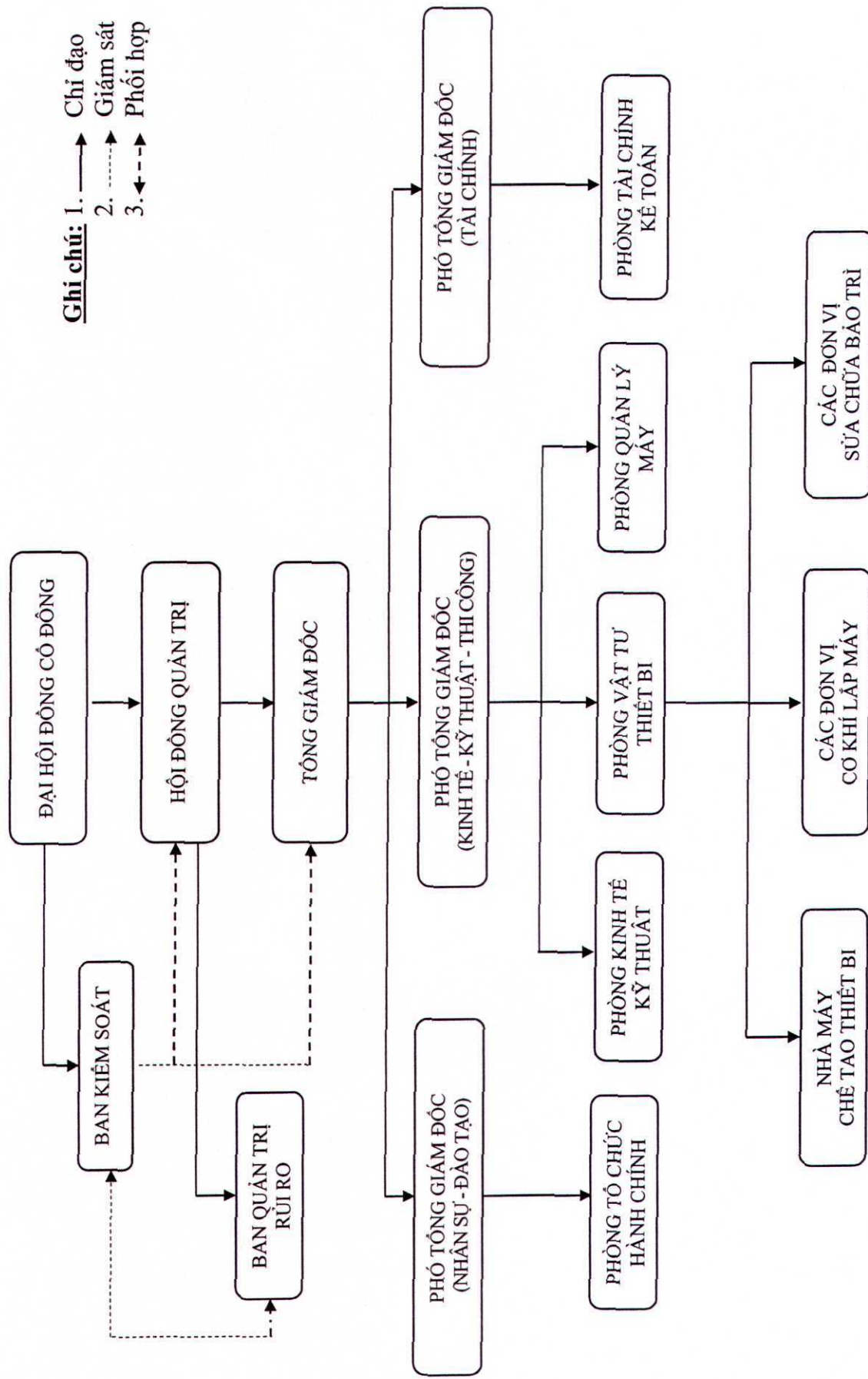
Công ty tham gia thi công các công trình dự án trong phạm vi cả nước. Trong đó 2 năm gần nhất, các địa bàn hoạt động chiếm trên 10% tổng doanh thu gồm: Ninh Bình, Hà Nam, Thanh Hóa, Hậu Giang, Sóc Trăng, Hà Nội, Quảng Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát.

3.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như sau:



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

(1) Mục tiêu tổng quát:

- Phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn.

- Xây dựng Công ty thành một đơn vị mạnh, có quy mô lớn hơn, trình độ quản lý chuyên nghiệp hơn và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(2) Mục tiêu cụ thể:

- Tích cực tham gia vào các dự án do LILAMA làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập, phấn đấu đến năm 2025 trong cơ cấu doanh thu: 15 - 20% doanh thu thực hiện từ hợp đồng với Tổng công ty LILAMA, doanh thu còn lại do Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài.

- Tăng thị phần và doanh thu chế tạo, lắp đặt thiết bị từ các dự án Điện, tiếp cận và từng bước tăng thị phần dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy điện, chú trọng thị trường các nhà máy, công trình trong khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

- Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng vào trong giai đoạn 2021 - 2025 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân hàng năm giai đoạn 2021 – 2025 đạt từ 07 – 10 %, tổng giá trị doanh thu đến cuối năm 2025 đạt từ 370 tỷ đồng.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

(1) Chiến lược tăng trưởng:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất thi công các dự án nhiệm điện, thủy điện, phong điện, điện khí..., tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 370 tỷ đồng vào năm 2025.

(2) Chiến lược lợi nhuận:

- Trong giai đoạn đầu từ 2021 – 2025: Tiếp tục củng cố năng lực và thương hiệu, ưu tiên tăng quy mô về lao động, nâng cao năng lực thiết bị thi công, nâng cao năng suất lao động, mở rộng thị trường để tăng doanh thu, duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ 3 - 5%.

- Giai đoạn sau từ năm 2026 – 2030: Nâng tầm thương hiệu Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao lợi nhuận, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tối thiểu 15 % .

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Đảm bảo việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.500.000 đồng đến 13.000.000 đồng/người/tháng.

+ Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

+ Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng và kích thích sản xuất phát triển.

+ Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ; đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV; tích cực tham gia các phong trào xã hội từ thiện và các hoạt động xã hội khác.

+ Đầu tư công nghệ, tổ chức sản xuất theo hướng tiết kiệm và tái sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, nước... sử dụng nhiên liệu thân thiện để bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia, thực hiện tốt các chính sách xã hội.

5. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tác động trực tiếp từ tình hình chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, tình hình hoạt động đầu tư, tiến độ xây dựng các dự án, chính sách phát triển lĩnh vực cơ khí của đất nước.

Trong hoạt động xây lắp, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian, dẫn tới tình trạng khối lượng công việc dở dang nhiều, hạch toán kế toán không kịp thời.

Việc giải ngân, thanh toán thường chậm do khó khăn từ việc thu xếp vốn của chủ đầu tư, thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Biến động nguồn nhân lực tương đối lớn do đặc thù hoạt động của ngành, người lao động phải trực tiếp tham gia thi công trên các công trường dự án, điều kiện sinh hoạt, đi lại của CBCNV gặp nhiều khó khăn...

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD năm 2021:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thi công các công trình/dự án: Nhiệt điện Sông Hậu 1, NĐ Nghi Sơn 2, XM Xuân Thành 3, XM Nam Sơn. Ngoài ra, Công ty cũng triển khai một số hợp đồng mới được ký kết như Nhiệt điện Vân Phong 1, lắp đặt nhiệt dư XM Quảng Nam...

Một số chỉ tiêu chủ yếu về SXKD năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	150,9	82,7	54,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	(6,62)	-
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,0	5,2	104,0%
5	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	3,2	-	-

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2021, tình hình SXKD và tình hình tài chính hết sức khó khăn. Doanh thu thấp, sản xuất thiếu ổn định, hoạt động thi công nhiều thời điểm bị gián đoạn do các lệnh phong tỏa/giãn cách để chống dịch, bên cạnh đó quá trình nghiệm thu thanh quyết toán tại nhiều dự án kéo dài, thu hồi vốn chậm dẫn đến dòng tiền không đáp ứng được cho sản xuất, nợ phải thu và dư nợ vay tín dụng đều lớn, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm, lợi nhuận âm.

Kết quả trên, nguyên nhân chủ yếu là do hiệu quả công tác quản lý sản xuất và năng lực cạnh tranh mở rộng thị trường và khả năng thích ứng của Công ty chưa cao. Trong khi, nhiều dự án gặp vướng mắc, giãn tiến độ hoặc tạm dừng đã trực tiếp ảnh hưởng đến doanh thu thực hiện của đơn vị; ngoài ra giá cả vật tư đầu vào (đặc biệt là thép) tăng mạnh và tác động không nhỏ của dịch bệnh Covid-19 lên các mặt hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách ban điều hành:**(1) Tổng giám đốc: **Hoàng Thế Bình**

Số CCCD: 040079001077 do Cục CS quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 01/05/2021

Ngày tháng năm sinh	:	16/02/1977	Giới tính: Nam
Quê quán	:	Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú	:	Khu Đô Thị Nam La Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Cơ khí	
Chức vụ hiện nay (nếu có)	:	Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama	
Quá trình công tác	:		
+ Từ 01/2003 – 06/2012	:	Kỹ sư, Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Tổng công ty LILAMA;	
+ Từ 07/2012 – 01/2021	:	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama;	
+ Từ 02/2021 – 08/2021	:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama.	
+ Từ 09/2021 – nay	:	Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama	
+ Từ 11/2021 – nay	:	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 522.425 cổ phần = 16%

(2) Phó Tổng giám đốc: **Nguyễn Giang Nam**

Số CMND/CCCD	:	019069000101	cấp ngày 18/3/2017 tại Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh	:	29/09/1969	- Giới tính: Nam
Quê quán	:	An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam	
Quốc tịch	:	Việt Nam	- Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phố Phúc Sơn - Phường Thanh Bình - Tp.Ninh Bình	
Trình độ văn hoá	:	10/10	- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:		

Từ 1986 – 1989	:	Nhập ngũ E250, Bộ tư lệnh thông tin
Từ 1989 – 1991	:	Học nghề tại Trường nghề Lilama 1
Từ 1992 - 2006	:	Công nhân Kỹ thuật - Nhà máy Chế tạo thiết bị & Kết cấu thép
Từ 2001 – 2006	:	Học tại chức ngành Cơ khí – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Từ 2006 – 2007	:	Kỹ sư - Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình
Từ 2007 – 2010	:	Phó Giám đốc Nhà máy Chế tạo thiết bị KCT (trực thuộc Cty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama)
Từ 2010 - 2019:		Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama
Từ 7/2019 – nay :		Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 6.060 cổ phần = 0,18%		

(3) Kế toán trưởng: **Nguyễn Mạnh Hưởng**

Chứng minh nhân dân/CCCD: 025082000674 ngày cấp 02/07/2018 nơi cấp Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Ngày sinh tháng năm sinh: 14/01/1982 - Giới tính: Nam
 Quê quán : Trường Thịnh, TX Phú Thọ, Phú Thọ
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú : P 808 Nhà N01, Số 282 Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 11/2004 - 04/2017: Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
 + Từ 04/2017 - nay: Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 489.773 cổ phần = 15%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- + Ông Hoàng Thế Bình làm Phó Tổng giám đốc từ 01/02/2021;
- + Ông Nguyễn Văn Triều thôi Tổng giám đốc từ 23/03/2021;
- + Ông Phạm Hồng Sơn làm Tổng giám đốc kể từ 23/03/2021;
- + Ông Nguyễn Thanh Quang, Phó TGD, nghỉ hưu từ 01/07/2021;
- + Ông Phạm Hồng Sơn thôi Tổng giám đốc từ 01/09/2021;
- + Ông Hoàng Thế Bình làm Tổng giám đốc từ 01/09/2021.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ nhân viên bình quân năm 2021 là: 228 người
- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Tiền lương đối với CBCNV được thực hiện theo Quy chế lương áp dụng thống nhất trong toàn công ty. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương sản phẩm theo hợp đồng khoán phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, gắn năng suất và hiệu quả công tác với thu nhập được hưởng. Đối với cán bộ công nhân

viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất. Công ty đã triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo năm 2021 cho các nhóm kỹ sư/chuyên viên (về ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý); nhóm công nhân kỹ thuật (tay nghề/kỹ năng) bằng các hình thức đào tạo tại chỗ (kèm cặp và hướng dẫn) và cử đi đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, thi nâng cao tay nghề, nâng bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Công ty thực hiện chính sách khen thưởng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; đồng thời áp dụng các quy định về trách nhiệm vật chất đối với các hành vi làm thiệt hại tài sản, kỷ luật lao động đối với các vi phạm.

+ Công tác chăm lo đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc cho CBCNV trên các công trường, nhà máy...

+ Tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nâng lương, nâng bậc hằng năm, các chế độ ốm đau, nghỉ phép, nghỉ lễ...

+ Thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, đúng đối tượng.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động: 100% lao động làm việc theo hợp đồng từ trên 1 tháng được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Năm 2021, Căn cứ tình hình sản xuất, Công ty chưa thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị thi công để tập trung vốn lưu động để đáp ứng sản xuất, giảm chi phí tài chính.

Công ty đang phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Ninh Bình về việc di dời cơ sở sản xuất của Công ty ra khỏi trung tâm Thành phố Ninh Bình, đảm bảo quyền vào lợi ích của công ty và đúng quy định của pháp luật.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	204.205.397.054	208.338.619.132	102%
2	Doanh thu thuần	109.122.971.055	82.769.657.306	76%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.633.911.800)	(6.476.093.117)	-
4	Lợi nhuận khác	(49.479.732)	(150.000.000)	-

5	Lợi nhuận trước thuế	(9.683.391.532)	(6.626.093.117)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(9.683.391.532)	(6.626.093.117)	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,08	1,08	
b	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,73	0,70	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
a	Hệ số nợ (Nợ phải trả / Tổng tài sản)	0,82	0,86	
b	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	4,7	6,1	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
a	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,77	1,08	
b	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/tổng tài sản)	0,53	0,39	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i>			
a	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,2 %	-	
b	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,6 %	-	
c	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1 %	-	
d	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,3 %	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần 3.265.155 (cổ phần)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 3.265.155 (cổ phần)

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
	a) Cổ đông lớn	3	2.228.539	68,25%
	b) Cổ đông nhỏ	444	1.036.616	31,75%
2	Phân loại theo tổ chức, cá nhân			
	a) Cá nhân	442	1.599.788	48,99%
	b) Tổ chức	5	1.665.367	51,01%
3	Phân loại theo trong nước, ngoài nước			
	a) Trong nước	446	3.264.955	99,99%
	b) Ngoài nước	1	200	0,01%
4	Phân loại theo cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
	a) Nhà nước (Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 51% vốn Điều lệ)	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông khác	446	1.599.926	49%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán - NĐKCC là 14/10/2021)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Chưa có thông kê

6.2. Quản lý nguồn vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm: 10.000 tấn gồm sắt thép và nguyên vật liệu khác phục vụ chế tạo các thiết bị cơ khí.

b) Khoảng 0,3% nguyên vật liệu trong năm được tái chế, tái sử dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 130.500 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1,5 % tổng năng lượng sử dụng thông chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí chung.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Chủ yếu sử dụng nước do các Công ty nước sạch cung cấp để phục vụ mục đích sinh hoạt cho CBCNV tại văn phòng và các đơn vị sản xuất, trong năm sử dụng 10.500 m³ nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân 228 người, mức lương bình quân 8.100.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập chính đáng cho người lao động, thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp định kỳ và đột xuất.

- Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động bằng việc cung cấp vật tư thiết bị y tế và tổ chức mạng lưới cán bộ phụ trách y tế từ công ty đến các đơn vị, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và bố trí công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình với cán bộ: 15 giờ/năm.

- Số giờ đào tạo trung bình với công nhân kỹ thuật: 60 giờ/năm.

- Chương trình phát triển năng lực người lao động:

- + Khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng.

- + Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo hàng năm.

- + Tổ chức huấn luyện theo các đợt thi nâng bậc lương hàng năm.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

- + Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của địa phương, tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan.

- + Chủ động và tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

Phần III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	Tỷ đồng	109,1	82,7	75,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(9,683)	(6,62)	-
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,95	5,2	105%
4	Cổ tức thực hiện	%	0%	0%	-
5	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	-	-	-

- Tình hình hoạt động SXKD năm 2021 và tình hình tài chính, dòng tiền khó khăn, doanh thu thực hiện đạt thấp, lợi nhuận âm.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Việc làm, thu nhập cho người lao động được duy trì;
- An toàn thi công, an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự được đảm bảo;
- Công tác phòng dịch Covid 19 được triển khai phù hợp.

2. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Cơ cấu tài sản		
	+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	87,46%	92,15%
	+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	12,54%	7,85%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	82,42%	85,95%
	+ Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	17,58%	14,05%
3	Hệ số khả năng sinh lời		
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-	-
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	-	-
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	-	-
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	-	-
4	Hệ số nợ và khả năng thanh toán		
	+ Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	4,68	6,11
	+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	1,21	1,16
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,07	1,08

Từ một số chỉ tiêu tài chính của công ty năm 2020 và 2021 cho thấy:

- Cơ cấu tài sản của công ty năm 2021 thay đổi đáng kể so với năm 2020, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng so với cùng kỳ, phần tăng này chủ yếu là tăng các khoản phải thu ngắn hạn.
- Về cơ cấu nguồn vốn thì nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng 3,53% so với năm 2020 chủ yếu là phải trả người bán tăng, trong khi nợ vay ngân hàng giảm.
- Về hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2021 âm do lợi nhuận âm.
- Hệ số nợ và khả năng thanh toán của công ty thấp hơn năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trên cơ sở Luật Chứng khoán 2019, Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật mới có liên quan, ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã ban hành Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị sửa đổi, Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS phù hợp với Pháp luật để thống nhất quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nhiều giải pháp thích ứng linh hoạt với tình hình dịch bệnh Covid-19 để duy trì các hoạt động sản xuất thi công, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường các biện pháp quản lý sau khoán, quản lý sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, tăng cường thu hồi nợ, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn đáp ứng cho hoạt động sản xuất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ chương trình tái cấu trúc công ty theo Đề án điều chỉnh, bổ sung đã được phê duyệt. Trong đó, tập trung thực hiện các giải pháp để nâng cao năng suất lao động thúc đẩy sản xuất kinh doanh và thực hiện chủ trương thoái vốn theo đề án của Lilama.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục định hướng xây dựng, phát triển Công ty trở thành đơn vị mạnh, hàng đầu trong lĩnh vực Chế tạo & Lắp đặt thiết bị cơ điện các dự án Năng lượng, Hóa dầu, Hóa chất, Vật liệu xây dựng.

Nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn hoá các hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn toàn diện yêu cầu của khách hàng, đến năm 2025 đủ năng lực thực hiện EPC các dự án vừa và nhỏ.

Tuy vậy, trong điều kiện tình hình tài chính hết sức khó khăn hiện tại, cùng với những tác động bất lợi như: biến động giá cả vật tư, nhiên liệu, hàng hóa; tình hình dịch bệnh Covid-19; nhân lực giảm sút; việc triển khai các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực hoạt động rất ít; cạnh tranh ngày càng gay gắt... Công ty xây dựng kế hoạch phù hợp và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để vượt qua khó khăn, duy trì ổn định sản xuất, làm cơ sở nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

* Trong năm 2022 phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	82,7	150,11	181,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(6,62)	0,1	-
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100%
4	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	5,2	5,0	96,1%
5	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB	Tỷ đồng	-	0,42	-

* Một số giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD 2021:

- Thực hiện các phương án để thích ứng kịp thời với tình hình dịch bệnh hiện tại để duy trì các hoạt động SXKD;

- Tăng cường hiệu quả công tác chào thầu/chào giá, mở rộng thị trường, chú trọng các dự án/công việc có hàm lượng lợi nhuận cao. Củng cố năng lực, uy tín của Công ty trong quá trình thi công tại các công trình/dự án. Nâng cao năng suất lao động làm cơ sở giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh.

- Cải tiến quy trình, biện pháp tổ chức sản xuất tiết kiệm, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác khoán đến người lao động để thúc đẩy sản xuất, đảm bảo tiến độ thi công, nâng cao thu nhập và đảm bảo chế độ cho người lao động, làm cơ sở thu hút thêm lao động có chất lượng.

- Tăng cường kiểm soát chi phí, xây dựng chi tiết kế hoạch tài chính/dòng tiền/kế hoạch thu chi để đảm bảo các hoạt động sản xuất.

- Phân đầu thực hiện mục tiêu giảm dư nợ vay tín dụng làm cơ sở giảm chi phí tài chính bằng nhiều giải pháp đồng bộ từ các hoạt động sản xuất, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ và tiết kiệm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, của địa phương và các KCN trong việc bảo vệ môi trường. Hoạt động sản xuất thi công tại Nhà máy và Công trường đảm bảo các tiêu chí bảo vệ môi trường, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm và xử lý nước thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm và tái sử dụng vật tư nguyên liệu, đảm bảo cảnh quan khu sản xuất với hệ thống cây xanh, không chế tốt khí bụi, tiếng ồn...

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, coi trọng nhân tố con người. Đưa mục tiêu bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động thành một trong những mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Luôn xác định trách nhiệm của công ty đối với các vấn đề của xã hội, cộng đồng, địa phương.

Phần VI

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama thiếu ổn định, tình hình tài chính, dòng tiền khó khăn, không đáp ứng được cho sản xuất. Hoạt động sản xuất thi công tiếp tục giảm nhanh do các dự án lớn đang bước vào giai đoạn cuối, một số dự án nằm trong kế hoạch doanh thu của Công ty chậm tiến độ, các hợp đồng mới được ký kết trong năm ít, giá trị thấp, không đủ bù đắp cho phần doanh thu thiếu hụt.

Bên cạnh đó, công tác tổ chức và quản lý sản xuất chưa đạt yêu cầu, năng suất lao động chậm cải thiện, nguồn nhân lực thiếu, thi công nhiều thời điểm bị gián đoạn do các lệnh phong tỏa/giãn cách để phòng dịch, giá cả vật tư đầu vào (chủ yếu là thép, nhiên liệu) tăng cao cũng làm giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tổng giá trị doanh thu năm 2021 chỉ đạt 82,7/150,9 tỷ đồng bằng 54,8% kế hoạch.

Tuy vậy, Công ty cũng đã có nhiều giải pháp kịp thời để đáp ứng tiến độ thi công tại các dự án, tăng cường năng lực gia công chế tạo tại Nhà máy KCT, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, đặc biệt trong thời gian cuối năm, để duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện nguồn việc/doanh thu.

1.2. Về tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn chủ yếu là do doanh thu thực hiện thấp, công tác thanh quyết toán, ghi nhận doanh thu kéo dài.

- Mặc dù có nhiều cải thiện trong công tác thu hồi công nợ, tuy nhiên, nợ phải thu còn lớn. Một số công nợ cũ tại các dự án đã hoàn thành nhưng việc thu hồi còn vướng mắc, chưa có tiến triển tích cực hơn. Trong quý IV công ty đã có cải thiện về việc thu hồi công nợ tại các dự án nên đã đảm bảo được một phần tài chính, ổn định hơn về mặt sản xuất. Tuy vậy dư nợ vay còn lớn trong khi lãi suất vẫn ở mức cao dẫn đến chi phí tài chính lớn, lợi nhuận âm.

1.3. Về đầu tư:

Căn cứ vào tình hình SXKD và nhu cầu thi công thực tế, trong năm Công ty không thực hiện đầu tư. Trong thời gian tới, cần tiếp tục thu xếp vốn trung và dài hạn để triển khai việc đầu tư nâng cao năng lực thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4. Về lao động và việc làm:

Trong năm, việc làm cho người lao động bị gián đoạn nhiều do dịch bệnh, do vậy thu nhập bình quân của người lao động giảm. Hiện tại nguồn nhân lực của công ty thiếu và không ổn định, năng suất có cải thiện ở Nhà máy KCT, còn lại ở các Đội công trình khác còn thấp, hiệu quả sử dụng nhân lực và khả năng thu hút, giữ chân lao động hạn chế. Vấn đề trên đòi hỏi ban lãnh đạo công ty phải tiếp tục có chính sách phù hợp, đồng bộ để khắc phục trong thời gian tới.

1.5. Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty đã tuân thủ và thực hiện một cách có trách nhiệm các vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Trong điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và tập trung thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT;

Ban Tổng giám đốc đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tổ chức thực hiện; phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên; báo cáo HĐQT kịp thời khi được yêu cầu.

Kết quả SXKD năm 2021, các chỉ tiêu chính không hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Ngoài các nguyên nhân khách quan, còn có trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành. Trong đó, một số nhiệm vụ Ban điều hành cần phải tập trung thực hiện trong thời gian tới, chủ yếu gồm: mở rộng thị trường, tăng cường quản lý sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện chế độ tiền lương để thu hút lao động; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm nợ phải thu; giảm nợ vay và chi phí tài chính... Duy trì ổn định sản xuất, từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

(1) HĐQT tiếp tục các hoạt động giám sát, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ Điều lệ/Quy chế nội bộ để tăng hiệu quả công tác quản trị, quản trị rủi ro... phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

(2) Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả hoạt động của HĐQT các lĩnh vực chính, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư hiệu quả;
- Duy trì các phiên họp định kỳ, đảm bảo các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành và đưa ra các định hướng kịp thời, phù hợp.

(3) Định hướng, chỉ đạo Ban điều hành tập trung cải thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, chủ yếu gồm:

- + Tăng cường hiệu quả công tác thị trường;
- + Cải tiến phương án tổ chức và biện pháp thi công hiệu quả, tiết kiệm;
- + Nâng cao hiệu quả công tác khoán, cải thiện chế độ đãi ngộ và tăng thu nhập để tăng mức độ thu hút lao động;

(4) Tập trung khắc phục khó khăn về tài chính: chủ yếu là cơ cấu các khoản nợ, đẩy nhanh quyết toán và thu hồi vốn, bổ sung nguồn vốn tự có, giảm vay tín dụng.

(5) Tiếp tục thực hiện “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty” theo kế hoạch đã đề ra.

(6) Thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông.

Phần V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT Công ty	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 653.031	20%
2	Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 552.425	16%
3	Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 489.773	15%
4	Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 326.600	10%
5	Trương Tấn Tuyền	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban, HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi các mặt và lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại các kỳ họp HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2021 Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Tại các phiên họp, HĐQT ban hành Nghị quyết, đưa ra những định hướng, các giải pháp phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD.

a) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Họ và tên	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Mạnh Dũng	4	4/12	Miễn nhiệm từ 23/03/2021
2	Nguyễn Văn Triều	12	12/12	Bổ nhiệm CTHĐQT từ 23/03/2021

3	Phạm Hồng Sơn	5	5/12	Được bầu 29/04/2021, Miễn nhiệm từ 09/11/2021
4	Ngô Quốc Thịnh	5	5/12	Được bầu từ 29/04/2021
5	Trương Tấn Tuyền	6	6/12	Được bầu từ 29/04/2021
6	Nguyễn Mạnh Hưởng	12	12/12	
7	Nguyễn Tất Linh	6	6/12	Hết nhiệm kỳ từ 29/04/2021
8	Vũ Sơn Lâm	6	6/12	Hết nhiệm kỳ từ 29/04/2021
9	Hoàng Thế Bình	1	1/12	Được bầu từ 09/11/2021

b) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	121/NQ-HĐQT-2021	05/01/2021	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung 1 số Quy chế, quy định nội bộ công ty	100%
2	122/NQ-HĐQT-2021	05/01/2021	Thông qua: Thông qua chủ trương về công tác cán bộ, bổ nhiệm 1 phó TGĐ Công ty;	100%
3	123/NQ-HĐQT/2021	26/01/2021	Thông qua nhận xét, đánh giá cán bộ là người đại diện vốn của TCT Lắp máy Việt Nam - CTCP	100%
4	124/NQ-HĐQT/2021	26/01/2021	Về công tác cán bộ: Bổ nhiệm Phó TGĐ Công ty và nhân sự phụ trách phòng KTKT;	100%
5	125/QĐ-HĐQT/2021	26/01/2021	Quyết định bổ nhiệm ông Hoàng Thế Bình làm Phó TGĐ Công ty;	100%
6	126/QĐ-HĐQT/2021	02/03/2021	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%
7	127/NQ-HĐQT/2021	10/03/2021	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán 2020;	100%
8	128/NQ-HĐQT/2021	23/03/2021	Về công tác cán bộ của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama;	100%
9	129/NQ-HĐQT/2021	23/03/2021	Chấp thuận đơn và miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Mạnh Dũng và bầu ông Nguyễn Văn Triều giữ chức Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2016-2021;	100%
10	130/NQ-HĐQT/2021	23/03/2021	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Triều;	100%
11	131/QĐ-HĐQT/2021	23/03/2021	Quyết định: Bổ nhiệm ông Phạm Hồng Sơn làm Tổng giám đốc Công ty;	100%

12	132/QĐ-HĐQT/2021	22/04/2021	Thông qua: Kết quả SXKD Quý 1, Kế hoạch SXKD Quý 2/2021; Thông qua Báo cáo tài chính Quý 1/2021; KH lương/thù lao 2021; các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2021;	100%
13	133/BB-HĐQT/2021	29/04/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;	100%
14	134/NQ-HĐQT/2021	29/04/2021	Chỉ định Thư ký HĐQT, kiêm nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;	100%
15	135/NQ-HĐQT/2021	21/05/2021	Thông qua: Một số giải pháp để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD; phân công nhiệm vụ trong HĐQT; Ủy quyền TGD quyết định tiếp tục triển khai hoặc dừng thực hiện các Hợp đồng thi công Dự án XM Xuân Thành 3.	100%
16	136/NQ-HĐQT/2021	23/06/2021	Thông qua: Lựa chọn đơn vị kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2021	100%
17	137/NQ-HĐQT/2021	13/08/2021	Thông qua: Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2021	100%
18	138/NQ-HĐQT/2021	27/08/2021	Thông qua: phương án Nhân sự Tổng giám đốc Công ty	100%
19	139/NQ-HĐQT/2021	30/08/2021	Quyết định miễn nhiệm TGD đối với ông Phạm Hồng Sơn	100%
20	140/NQ-HĐQT/2021	30/08/2021	Quyết định Bỏ nhiệm chức vụ TGD đối với ông Hoàng Thế Bình	100%
21	141/NQ-HĐQT/2021	20/09/2021	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2021	100%
22	142/NQ-HĐQT/2021	11/10/2021	Thông qua chủ trương về công tác nhân sự TP Tổ chức HC và Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật	4/5
23	143/NQ-HĐQT/2021	03/12/2021	Thông qua: Thông qua các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính Quý 3/2021; Một số yêu cầu đối với Ban TGD và Thành viên HĐQT để triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD; cập nhật phân công nhiệm vụ các thành viên trong HĐQT.	100%

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

- Tham dự các phiên họp HĐQT, đề xuất các ý kiến, thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp HĐQT.
- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HĐQT;
- Tuân thủ việc phân công trong nội bộ HĐQT về quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kịp thời có ý kiến với Ban giám đốc và HĐQT liên quan đến quyền của cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Lại Việt Tân	Trưởng BKS	-	-	Bổ nhiệm 29/04/2021
2	Trần Thị Minh Phượng	Thành viên	-	-	Được bầu từ 29/04/2021
3	Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên	-	-	Được bầu từ 29/04/2021

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp định kỳ 02 lần/năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và quy định của Pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản về các nội dung có liên quan. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực, minh bạch mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty. Đồng thời BKS đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thù lao, lợi ích
1	Nguyễn Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT (đến 23/3/2021)	9.000.000
2	Nguyễn Văn Triều	Thành viên HĐQT, TGD (đến 23/3/2021) ; Chủ tịch HĐQT (từ 23/3/2021)	287.091.045
3	Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT (từ 29/4/2021)	24.000.000
4	Trương Tấn Tuyền	Thành viên HĐQT (từ 29/4/2021)	24.000.000

5	Phạm Hồng Sơn	Thành viên HĐQT (từ 29/4/2021-30/10/2021) ; TGD từ (23/3/2021-31/8/2021)	125.487.019
6	Hoàng Thế Bình	Phó TGD (từ 01/02/2021 – 31/08/2021), Tổng giám đốc (từ 01/09/2021)	183.391.854
7	Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc	182.431.454
8	Nguyễn Thanh Quang	Phó Tổng giám đốc (đến 01/07/2021)	88.533.199
9	Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	208.132.545
10	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT (đến 29/04/2021)	53.160.072
11	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT (đến 29/04/2021)	50.640.510
12	Lại Việt Tân	Thành viên BKS (đến 29/4/2021), Trưởng BKS (từ 29/4/2021)	32.000.000
13	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (đến 29/4/2021)	42.140.000
14	Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS (từ 29/4/2021)	16.000.000
15	Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS (từ 29/4/2021)	67.445.278
16	Lê Tuấn Minh	Thành viên BKS (đến 29/4/2021)	25.231.072
17	Văn Việt Hưng	Thư ký Công ty	142.666.775
	Tổng cộng		1.561.350.832

- Các khoản lợi ích khác: Không

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

a) Những hoạt động đã triển khai:

- Thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát thường xuyên,

kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

b) Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị:

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

- Giám sát việc thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty; kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong hội đồng quản trị cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

c) Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty, nguyên nhân và giải pháp thực hiện: Chưa đảm bảo số lượng thành viên độc lập theo quy định. Nguyên nhân do việc giới thiệu nhân sự ứng cử và bầu HĐQT phụ thuộc vào quyền giới thiệu và biểu quyết của cổ đông/nhóm cổ đông. Giải pháp và kế hoạch khắc phục trong thời gian tới là thảo luận với các cổ đông lớn /nhóm cổ đông nhằm đưa ra giải pháp đảm bảo cơ cấu HĐQT theo quy định.

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Tóm tắt)

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tTầm định giá Việt Nam (AVA)

2. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA			Mẫu số B01-DN	
Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình			Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Đơn vị tính: đồng 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.978.418.187	178.599.066.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	578.818.803	1.385.387.908
1. Tiền	111		578.818.803	1.385.387.908
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.463.000.000	3.463.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	3.463.000.000	3.463.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.894.056.619	116.796.533.304
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	120.878.064.235	119.526.410.984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	337.944.548	123.435.548
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.566.804.134	8.035.443.070
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	67.919.197.668	56.848.088.287
1. Hàng tồn kho	141		67.919.197.668	56.848.088.287
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.345.097	106.056.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	123.345.097	106.056.818
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.360.200.945	25.606.330.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.300.000	84.300.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	84.300.000	84.300.000
II. Tài sản cố định	220		6.356.844.589	8.296.546.931
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.561.418.376	6.210.982.326
- Nguyên giá	222		58.068.780.235	57.816.339.822
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.507.361.859)	(51.605.357.496)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1.795.426.213	2.085.564.605
- Nguyên giá	225		2.611.245.455	2.611.245.455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(815.819.242)	(525.680.850)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.919.056.356	17.225.483.806
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	9.919.056.356	17.225.483.806
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.338.619.132	204.205.397.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA			Mẫu số B01-DN	
Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình			Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
(Tiếp theo)				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Đơn vị tính: đồng 01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		179.071.381.412	168.312.066.217
I. Nợ ngắn hạn	310		176.991.367.284	165.838.652.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	45.170.206.799	36.580.160.427
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.131.072.643	2.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	8.114.672.924	8.256.238.200
4. Phải trả người lao động	314		7.306.502.322	5.203.589.899
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.334.321.575	134.088.489
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.362.210.366	8.573.870.522
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	97.464.444.347	104.874.407.230
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		107.936.308	216.297.326
II. Nợ dài hạn	330		2.080.014.128	2.473.414.124
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	1.588.264.113	1.588.264.113
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	491.750.015	885.150.011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.267.237.720	35.893.330.837
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	29.267.237.720	35.893.330.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.651.550.000	32.651.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.651.550.000	32.651.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.102.723.500	3.102.723.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.114.232.377	1.114.232.377
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.539.297.525	8.539.297.525
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.140.565.682)	(9.514.472.565)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.514.472.565)	168.918.967
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.626.093.117)	(9.683.391.532)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.338.619.132	204.205.397.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA				Mẫu số B02-DN
Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình			Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2021				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	82.769.657.306	109.122.971.055
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.769.657.306	109.122.971.055
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	73.631.916.080	101.013.333.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.137.741.226	8.109.637.834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	108.338.654	601.351.167
7. Chi phí tài chính	22	V.04	8.646.447.116	11.071.746.437
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.646.447.116	11.071.746.437
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.05	7.075.725.881	7.273.154.364
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.476.093.117)	(9.633.911.800)
11. Thu nhập khác	31		-	111.272.727
12. Chi phí khác	32		150.000.000	160.752.459
13. Lợi nhuận khác	40		(150.000.000)	(49.479.732)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.626.093.117)	(9.683.391.532)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(6.626.093.117)	(9.683.391.532)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.06	(2.029)	(2.966)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(2.029)	(2.966)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Mẫu số B03-DN

Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		7.140.895.533	(235.478.590)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.626.093.117)	(9.683.391.532)
2. Điều chỉnh cho các khoản		10.730.251.217	12.751.256.307
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.192.142.755	2.392.133.764
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hi	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(108.338.654)	(712.623.894)
- Chi phí lãi vay	06	8.646.447.116	11.071.746.437
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	08	4.104.158.100	3.067.864.775
trước thay đổi vốn lưu động			
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.097.523.315)	(716.128.675)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(11.071.109.381)	(7.448.268.741)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	15.470.806.006	13.251.649.028
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.289.139.171	2.893.766.552
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.446.214.030)	(11.259.061.529)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(108.361.018)	(25.300.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(144.101.759)	12.222.623.894
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(252.440.413)	111.272.727
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	13.440.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.338.654	601.351.167
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(7.803.362.879)	(14.678.809.689)
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.757.480.354	89.293.088.953
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.167.443.237)	(103.578.498.646)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(393.399.996)	(393.399.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(806.569.105)	(2.691.664.385)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.385.387.908	4.077.052.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	578.818.803	1.385.387.908

Chi tiết Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được đăng tải trên website <http://www.lilamaemc.com.vn>

Ninh Bình, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**



Hoàng Thế Bình